



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Số: 33/BC-UBQGCĐS

BẢN ĐỒ DỮ LIỆU SỐ QUỐC GIA

Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Ngày 31 tháng 7 năm 2023

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Bộ Thông tin và Truyền thông, Cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số kính gửi báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối của Ủy ban Quốc gia và Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương như sau:

DỮ LIỆU – NỀN TẢNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu dữ liệu.

Dữ liệu được xem như một loại tài nguyên, tài sản, “đất đai của không gian mới”; là nguyên liệu, nhiên liệu, cũng như là sản phẩm của quá trình chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng và phát triển dữ liệu trong chính phủ điện tử, chính phủ số tại Việt Nam trải qua 4 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** Cơ sở dữ liệu xây dựng một lần. Giai đoạn này được phát triển trong thời kỳ đầu, dữ liệu được thu thập một lần qua các đợt thu thập, số hoá, đo đạc, khảo sát... và đưa vào các cơ sở dữ liệu sử dụng phục vụ chủ yếu cho việc thống kê, xuất bản ấn phẩm và gần như không được cập nhật.

- **Giai đoạn 2:** Cơ sở dữ liệu trong các hệ thống thông tin. Dữ liệu đã được thu thập, cập nhật, khai thác nhưng dữ liệu chủ yếu luân chuyển trong nội bộ hệ thống, trong phạm vi nghiệp vụ, trong cơ quan nhà nước, trong ngành. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế, thiếu tính tương thích ra bên ngoài.

- **Giai đoạn 3:** Cơ sở dữ liệu làm nền tảng phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số. Các cơ sở dữ liệu lớn, chuẩn hoá và xây dựng tập trung



phục vụ đa mục đích, chia sẻ rộng rãi cho các bộ, ngành, địa phương; tạo nền tảng để cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển những ứng dụng mới.

- **Giai đoạn 4:** Dữ liệu làm nền tảng chuyển đổi số quản trị công và phát triển kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu phong phú, đa dạng; bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chủ, dữ liệu lớn, dữ liệu trí tuệ nhân tạo...góp phần đắc lực vào chuyển đổi số quốc gia.

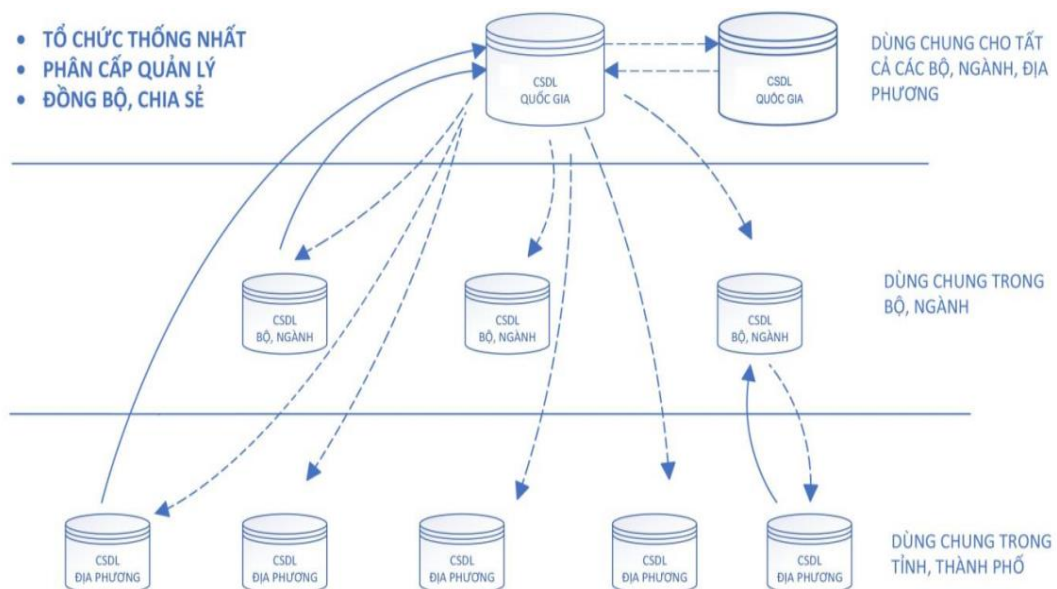
Quản trị công sẽ tốt hơn nhờ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo sẽ thông minh hơn nhờ có nhiều dữ liệu; định hướng kinh doanh sẽ tối ưu hơn nhờ dữ liệu; ngành nghề mới ra đời nhờ dữ liệu; đời sống con người sẽ tốt hơn nhờ dữ liệu.

Chúng ta đang tích cực củng cố triển khai giai đoạn 3 và định hướng chuyển sang giai đoạn 4.

1. Mô hình và mối quan hệ các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước

Theo Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 12/07/2006 của Quốc hội (viết tắt là Luật Công nghệ thông tin), Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (viết tắt là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP), cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước được tổ chức thành các lớp chính: Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Để đảm bảo sự thống nhất quản lý thì các cơ sở dữ liệu phải được liên kết thành một hệ thống chỉnh thể có quan hệ chặt chẽ xuyên suốt trong cơ quan nhà nước.

Để làm rõ sự thống nhất này, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP đã quy định cơ sở dữ liệu quốc gia chứa dữ liệu chủ - dữ liệu làm cơ sở để tham chiếu đến các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để đồng bộ hóa.



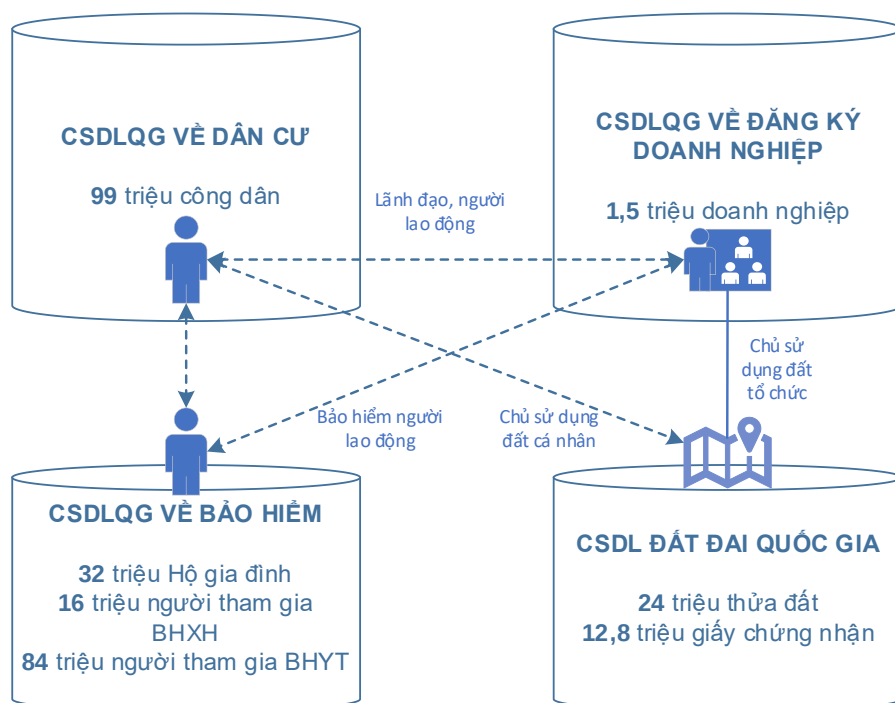


Dữ liệu được các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia (theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình) thành dữ liệu chủ. Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ đến các cơ sở dữ liệu khác để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.

Các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được xác định là các cơ sở dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan, đơn vị mình, phục vụ các nền tảng, ứng dụng cùng kết nối, khai thác, xử lý theo định hướng chuyển đổi số và kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

2. Các cơ sở dữ liệu quốc gia

Tại Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử (viết tắt là Quyết định số 714/QĐ-TTg) đã quyết định triển khai 6 (sáu) cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử. Tới thời điểm hiện tại, kết quả triển khai các cơ sở dữ liệu này khác nhau. Trong đó, số liệu của một số cơ sở dữ liệu chính bao gồm:



a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân

Bộ Công an đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả đã thu nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khoảng 99 triệu nhân khẩu, đạt trên 99%. Bộ Công an cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ rà soát, cập nhật trên 92 nghìn trường hợp thôi quốc tịch, gần 5 triệu trường hợp thay đổi thông tin trong hộ tịch để phục vụ việc làm sạch dữ liệu; cấp số định danh cá nhân cho trẻ em mới sinh được hơn 5,3 triệu trường hợp.



b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu là **1,5** triệu doanh nghiệp. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã kết nối, chia sẻ dữ liệu cho: **12** bộ, ngành và **56** địa phương.

c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu thập dữ liệu qua các hoạt động nghiệp vụ, từ đó hình thành dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Dữ liệu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu thập và quản lý bao gồm **31,9** triệu hộ gia đình, **16,1** triệu người tham gia bảo hiểm xã hội và **83,895** triệu người tham gia bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương: Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, **29** tỉnh/thành phố phục vụ cho công tác tiêm chủng, công tác hỗ trợ cho người lao động hưởng các gói hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

d) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai bao gồm các dữ liệu thành phần:

- Cơ sở dữ liệu địa chính: Đã tích hợp dữ liệu từ **36** tỉnh/thành phố, **322** huyện thị, **4.880** xã, phường với **24** triệu thửa đất; **12,8** triệu giấy chứng nhận và hơn **3,5** triệu hồ sơ tiếp nhận.

- Cơ sở dữ liệu Thông kê, kiểm kê đất đai: Tập hợp, thống kê được **141** nghìn đơn vị dữ liệu (khoanh đất).

- Cơ sở dữ liệu Giá đất: **32,8** nghìn đơn vị dữ liệu bao gồm dữ liệu khung giá đất thời kỳ 2015 - 2019, thời kỳ 2020 - 2025.

- Cơ sở dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bao gồm: **21** nghìn đơn vị dữ liệu bao gồm cả quy hoạch kế hoạch sử dụng đất trước năm 2010 và năm 2010.

- Cơ sở dữ liệu Điều tra cơ bản đất đai: Số liệu điều tra cấp vùng, cấp quốc gia năm 2015 là **2,9** triệu đơn vị dữ liệu (chất lượng đất: 131.725 khoanh; chế độ nước: 54.042 khoanh; độ phì nhiêu đất: 65.931 khoanh; giảm độ phì: 67.989 khoanh; hiệu quả kinh tế: 501.000 đơn vị dữ liệu và hiệu quả môi trường: 501.000 đơn vị dữ liệu).



- Cơ sở dữ liệu khác liên quan đất đai: Cơ sở dữ liệu người định cư ở nước ngoài sở hữu giấy chứng nhận bao gồm: **711** hồ sơ.

3. Các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương

a) Tổng hợp các bộ, ngành, địa phương ¹

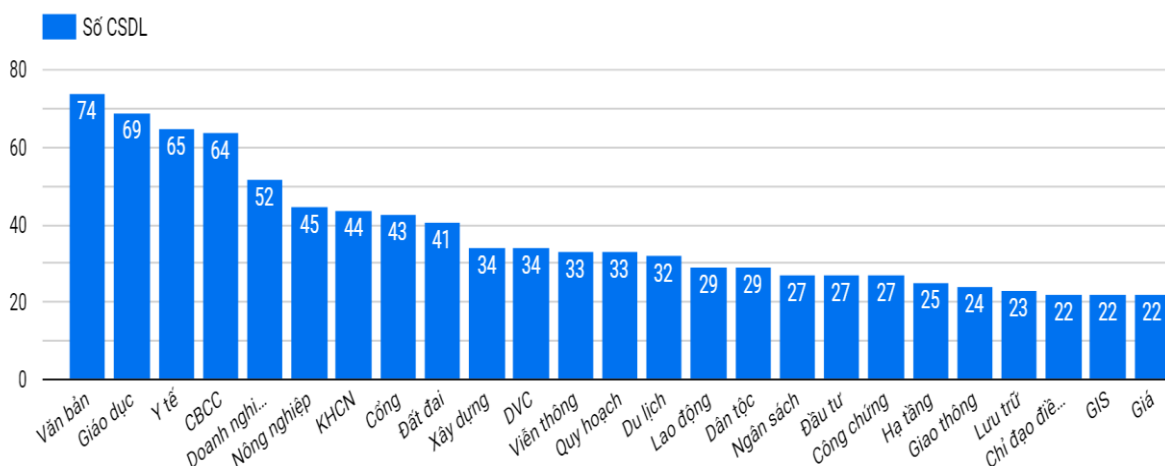
Tới thời điểm hiện tại: Tổng số **45** bộ, ngành, địa phương đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của mình đạt tỷ lệ **52,3%** với tổng số **1.744** cơ sở dữ liệu.

Tổng số CSDL	Số bộ, ngành, địa phương
1.744	45

- Về hình thức chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (một cơ sở dữ liệu có thể chia sẻ theo nhiều hình thức):

HÌNH THỨC CHIA SẺ			
Mặc định	Đặc thù	Dữ liệu mở	Chưa xác định
919	410	403	153

Biểu đồ thống kê số cơ sở dữ liệu được các bộ, ngành, địa phương xây dựng và có kế hoạch xây dựng:



Các chủ đề có số cơ sở dữ liệu lớn bao gồm:

- + Cơ sở dữ liệu chứa nội dung văn bản: **74**
- + Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về giáo dục: **69**
- + Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về y tế: **65**

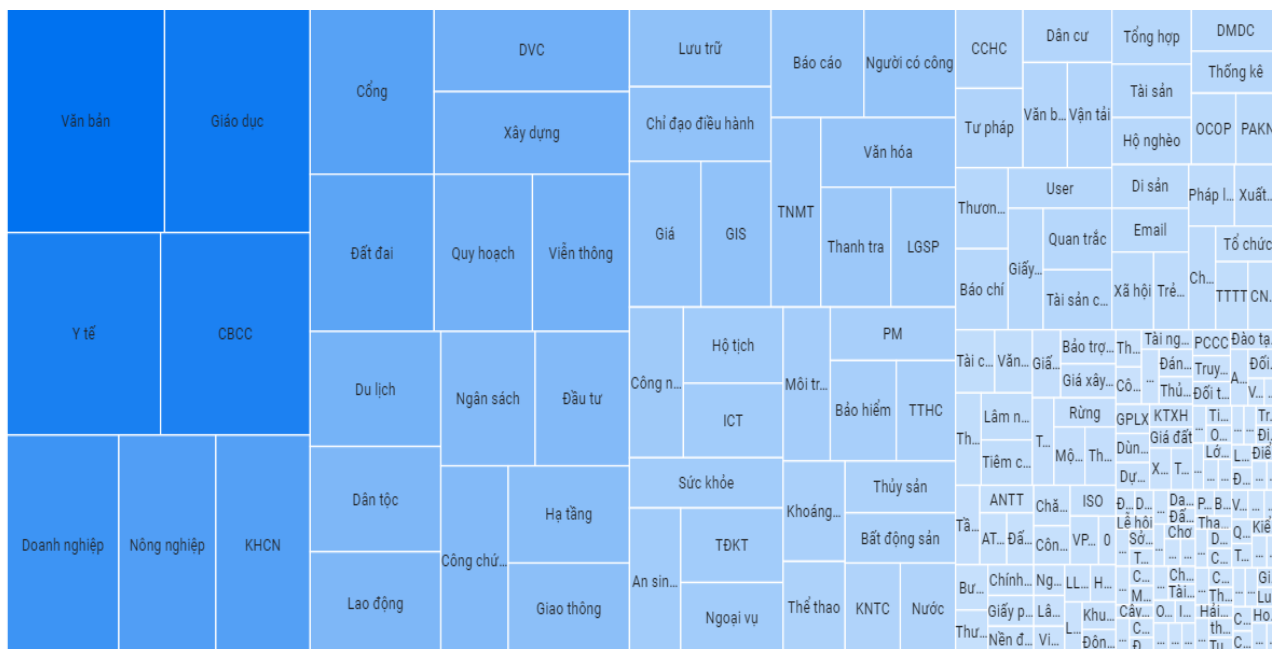
¹ Số liệu tổng hợp trên cơ sở thông tin các bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông.



+ Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về cán bộ công chức, viên chức: **64**

+ Các chủ đề khác được các bộ, ngành tập trung xây dựng bao gồm: doanh nghiệp, nông nghiệp, khoa học và công nghệ, đất đai, du lịch...

Sự phân bố các cơ sở dữ liệu theo chủ đề của dữ liệu:



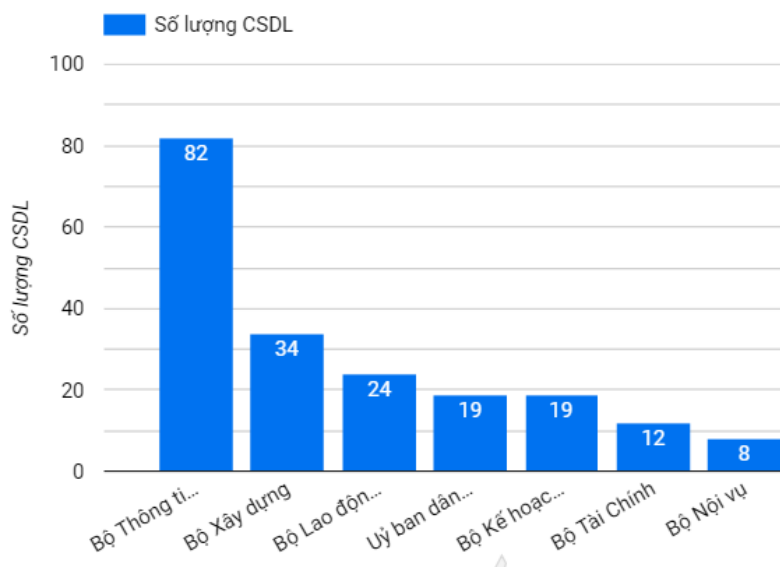
(Ô lớn hơn là số cơ sở dữ liệu được xây dựng lớn hơn)

b) Cơ sở dữ liệu của các cơ quan cấp bộ

Đối với các bộ, ngành, có 7 bộ bao gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban Dân tộc đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ với tổng cộng **198** cơ sở dữ liệu.

Tổng số CSDL	Số bộ, ngành
198	7

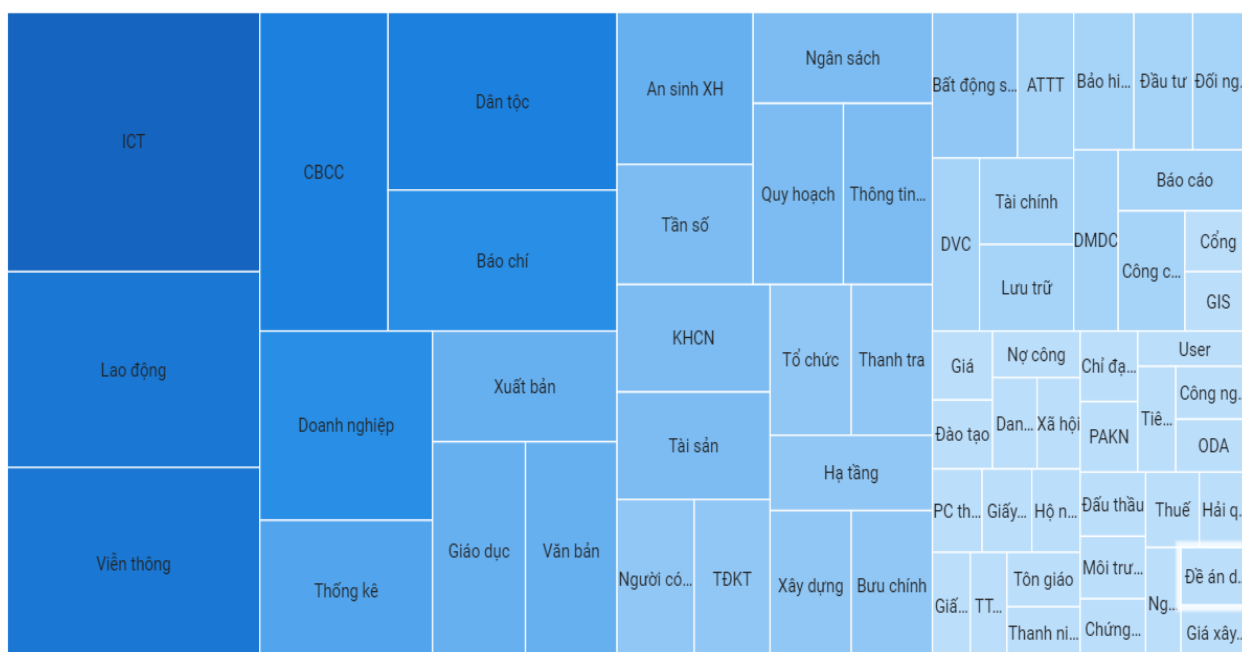
Cụ thể:



Hình thức chia sẻ dữ liệu được chỉ định theo số cơ sở dữ liệu:

HÌNH THỨC CHIA SẺ			
Mặc định	Đặc thù	Dữ liệu mở	Chưa xác định
40	15	17	25

Sự phân bố chủ đề dữ liệu bao gồm:



(Ô lớn hơn là số cơ sở dữ liệu được xây dựng lớn hơn)

c) Cơ sở dữ liệu dùng chung của các địa phương

Hiện tại, 38 địa phương đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương với tổng cộng 1.545 cơ sở dữ liệu.



Tổng số CSDL

1.545

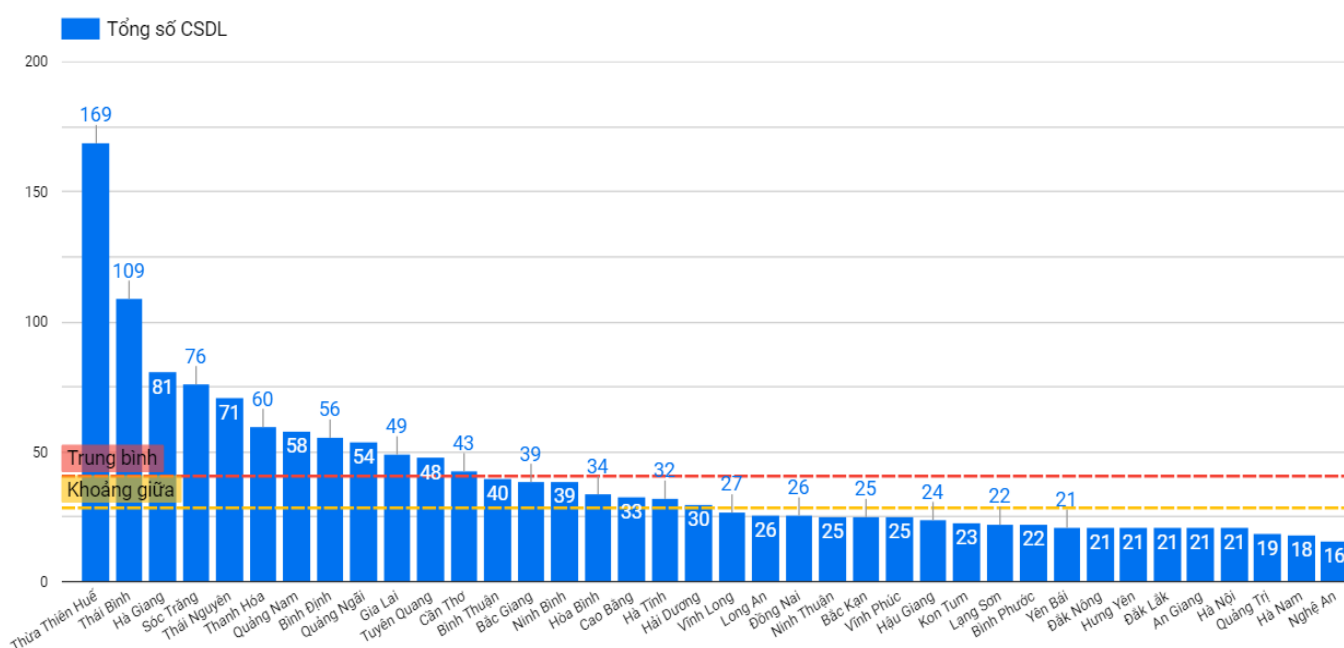
Số địa phương

38

Hình thức chia sẻ được chỉ định cho các cơ sở dữ liệu:

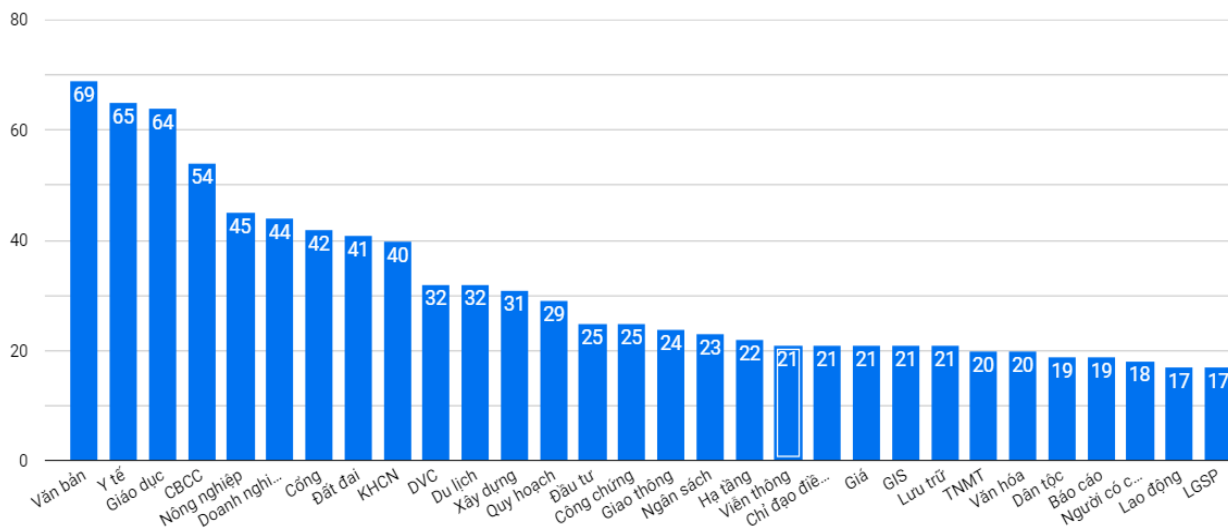
HÌNH THỨC CHIA SẺ			
Mặc định	Đặc thù	Dữ liệu mở	Chưa xác định
878	395	386	128

Số lượng các cơ sở dữ liệu được các địa phương đưa vào danh mục xây dựng:



Trong đó, trung bình là mỗi địa phương 41,7 cơ sở dữ liệu và 28,5 cơ sở dữ liệu là con số khoảng giữa hay trung vị (median). Sự chênh lệch lớn giữa con số trung bình và khoảng giữa thể hiện số lượng các CSDL được các tỉnh, thành phố xây dựng không đồng đều, có sự chênh lệch lớn. Địa phương có số cơ sở dữ liệu nhiều nhất là Thừa Thiên Huế được hoạch định 169 cơ sở dữ liệu, Thái Bình (109), Hà Giang (81) trong khi đó nhóm các tỉnh có số CSDL ít nhất là: Nghệ An (16), Hà Nam (18), Quảng Trị (19).

Số lượng cơ sở dữ liệu theo chủ đề của cơ sở dữ liệu:



Văn bản		Y tế		Đất đai		DVC		Giá		Bảo cáo		Dân tộc		Tư pháp		Giấy ph...		User	
								Chỉ đạo điều hành						KN...		Dân cư Văn b...		Tài sản...	
Giáo dục		CBCC		KHCN		Du lịch		Xây dựng		TNMT		Văn hóa		Ngư...		LGSP		Email	
														Lao động		Hộ tịch		Chứng th...	
				Quy hoạch		Ngân sách		Hạ tầng		Sức khỏe		Công ng...		TĐKT		Thực p...		Giấy... P...	
														Kho...		Thể thao Bảo hi...		Bà... Rừ... M...	
Nông nghiệp		Doanh nghiệp		Cổng		Đầu tư		GIS		Thanh tra						Tiê...CN...		Giấy... Hà... GPLX	
														Tiê...VP...		A... Ci... Th... Đ... Đ...		Ti...ATTP	
				Công chức...		Giao thô...		Lưu trữ		Viễn thông		Ngoạ...		Môi trường		Thủy sản		An sinh XH	
																		CCHC	
										PM		TTHC				C...		T...	

Sự phân bố các cơ sở dữ liệu theo nhóm đơn vị chủ quản của các tỉnh/thành phố



Cơ quan chủ quản / Số lượng															
Địa phương	Sở T...	Sở ...	Văn...	Sở ...	Sở ...	Sở ...	Sở ...	Sở ...	Sở L...	null	Sở ...	Sở T...	Sở ...	Sở ...	Tổng cộng
Thừa Thiên Huế	10	9	4	17	9	18	8	1	9		6	7	4		169
Thái Bình	2	8		12	9	1	12	10			2	1	12		109
Hà Giang	2	2		9	6	4	2	6	9		5	3	13		81
Sóc Trăng	8	8	4	4	3	3	7	4	1		5	5	2		76
Thái Nguyên	7	6	7	5	5	1	3	4	8		4	5	2		71
Thanh Hóa	3		4	3	4			4	2		3	2			60
Quảng Nam	6	8	4	1	3	8	3	4	4		1	3	2		58
Bình Định	5	4	6	5	4	1	2	3	9		4	2			56
Quảng Ngãi	7	4	7	2	5	3	1	2	2		3	5	4		54
Tổng cộng	142	117	101	94	92	82	77	75	69	69	68	68	68	6	1.545

Số lượng cơ sở dữ liệu và đơn vị được giao chủ trì tổng hợp từ các địa phương đã ban hành (Top 15 đơn vị có số lượng nhiều nhất)

Cơ quan chủ quản		Số CSDL ▾
1.	Sở TTTT	142
2.	Sở TNMT	117
3.	Văn phòng UBND tỉnh	101
4.	Sở Y tế	94
5.	Sở Nội vụ	92
6.	Sở Tư pháp	82
7.	Sở NNPTNT	77
8.	Sở GDĐT	75
9.	null	69
10.	Sở LĐTBXH	69
11.	Sở Xây dựng	68
12.	Sở VHTT&DL	68
13.	Sở Tài chính	68
14.	Sở KHĐT	64
15.	Sở GTVT	55

1 - 100 / 105 < >

Ghi chú: null là chưa chỉ định cụ thể cơ quan chủ quản.

Các sở ban ngành được giao làm chủ quản cơ sở dữ liệu dùng chung tập trung vào: Sở Thông tin và Truyền thông (142), Sở Tài nguyên và Môi trường (117) Văn phòng UBND tỉnh/thành phố (101). Sở Thông tin và Truyền thông còn là đơn vị được giao đồng chủ trì với các đơn vị khác, là đơn vị phối hợp quản lý vận hành trung tâm dữ liệu.



4. Về xúc tiến cung cấp dữ liệu mở

Theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023, đến hết năm 2023, **100%** bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Tuy nhiên, đến hết tháng 6/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận được như sau:

- **18** bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở. Các cơ quan đã ban hành bao gồm: Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; các tỉnh/thành phố bao gồm: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Đà Nẵng, TP. Hà Nội, Lạng Sơn, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

- **20** bộ, ngành, địa phương triển khai cung cấp dữ liệu mở. Các cơ quan cung cấp dữ liệu mở trên cổng dữ liệu quốc gia hoặc xây dựng, thử nghiệm cổng dữ liệu riêng của mình ².

Các bộ, ngành đã xây dựng, thử nghiệm cổng dữ liệu mở

STT	Cơ quan	Cổng dữ liệu mở
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	https://data.mpi.gov.vn
2	Bộ Tài nguyên và Môi trường	https://opendata.monre.gov.vn
3	Bộ Thông tin và Truyền thông	http://data.mic.gov.vn
4	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	https://open.data.gov.vn

Bộ Tài chính có cổng thông tin công khai ngân sách tại địa chỉ: <https://ckns.mof.gov.vn/> tuy nhiên chưa xếp vào loại dữ liệu mở.

Địa chỉ cổng dữ liệu được các địa phương triển khai:

STT	Cơ quan	Cổng dữ liệu mở
1	Bắc Giang	http://data.bacgiang.gov.vn
2	Bình Định	https://opendata.binhdingh.gov.vn
3	TP. Cần Thơ	https://data.cantho.gov.vn

² Trường hợp các bộ, ngành, địa phương đã triển khai gửi cho Cục chuyển đổi số quốc gia cập nhật.



STT	Cơ quan	Cổng dữ liệu mở
4	TP. Đà Nẵng	https://congdulieu.vn
5	Hà Giang	https://data.hagiang.gov.vn
6	Hậu Giang	https://data.haugiang.gov.vn
7	Lạng Sơn	http://data.langson.gov.vn
8	Long An	http://data.longan.gov.vn
9	Ninh Bình	https://data.ninhbinh.gov.vn
10	TP. Hồ Chí Minh	https://opendata.hochiminhcity.gov.vn
11	Thái Bình	https://data.thaibinh.gov.vn
12	Thừa Thiên Huế	https://data.thuathienhue.gov.vn
13	Trà Vinh	https://opendata.travinh.gov.vn
14	Bắc Ninh	https://data.bacninh.gov.vn/
15	Bình Dương	https://data.binhduong.gov.vn/
16	Đồng Tháp	https://opendata.dongthap.gov.vn/

5. Về xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn dữ liệu

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển dữ liệu

Xây dựng chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu là một nội dung trong hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu được quy định tại Điều 14 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Nghị định đã quy định bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện, thực hiện các hoạt động này.

Hiện nay, trên cả nước mới ghi nhận được **3** tỉnh/thành xây dựng và ban hành chiến lược hoặc kế hoạch về phát triển dữ liệu, cụ thể:

- Thành phố Hồ Chí Minh ban hành chiến lược quản trị dữ liệu đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 06/02/2023.

- Lào Cai ban hành chiến lược dữ liệu đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 16/11/2023.

- Thành phố Đà Nẵng ban hành kế hoạch quản trị và phát triển hạ tầng dữ liệu đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.



Ngoài ra, thành phố Hải Phòng đang xây dựng kế hoạch triển khai Chiến lược dữ liệu số của thành phố.

b) Xây dựng quy định/quy chuẩn/tiêu chuẩn cấu trúc dữ liệu trao đổi:

Quy định/quy chuẩn/tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu có vai trò đảm bảo sự chia sẻ rộng rãi, khai thác và sử dụng dữ liệu được chính xác.

Dữ liệu	Văn bản quy định	Nội dung quy định
Dữ liệu công dân	Quy chuẩn quốc gia số QCVN 109:2017/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quy định cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Dữ liệu đất đai	Thông tư 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai trong đó tập trung vào dữ liệu địa chính
Dữ liệu bảo hiểm	Quyết định số 3680/QĐ-BHXXH ngày 3/12/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Quy định kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.
Dữ liệu về giá	Thông tư số 93/2021/TT-BTC ngày 1/11/2021 của Bộ tài chính	Quy định cấu trúc, định dạng dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá.
Dữ liệu cán bộ công chức viên chức	Quyết định 4223/QĐ-BNV ngày 30/11/2016 của Bộ Nội vụ.	Danh mục chuẩn thông tin và Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.
Nhiều loại dữ liệu trao đổi trong lĩnh vực lao động, xã hội và người có công	Quyết định số 1371/QĐ-LĐTBXH ngày 3/12/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội bao gồm: - Bộ tiêu chí thông tin, danh mục dùng chung. - Bộ định dạng dữ liệu. - Bộ chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu.
Dữ liệu báo cáo trong Hệ	QCVN 125:2021/BTTTT của Bộ Thông tin và	Cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu



Dữ liệu	Văn bản quy định	Nội dung quy định
thống thông tin báo cáo quốc gia	Truyền thông	giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong hệ thống thông tin báo cáo quốc gia
Dữ liệu về văn bản điện tử	QCVN 102:2016/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành

c) Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu được Nghị định số 47/2020/NĐ-CP quy định phải thực hiện định kỳ hàng năm. Nội dung kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu quy định chi tiết trong Điều 16 của Nghị định. Tuy nhiên, hiện tại mới ghi nhận Thành phố Cần thơ ban hành Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và duy trì dữ liệu năm 2023 tại Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần thơ.

Việc kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu là rất cần thiết để đảm bảo chất lượng dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước; đồng thời lãnh đạo bộ, ngành, địa phương biết được chính xác hiện trạng nguồn tài nguyên dữ liệu số của mình để có những chiến lược phát triển phù hợp.

6. Đánh giá và kiến nghị, đề xuất

a) Đánh giá

- Quyết định số 714/QĐ-TTg xác định 6 cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai. Tuy nhiên nhìn chung các cơ sở dữ liệu quốc gia chưa đồng bộ, chậm. Một số cơ sở dữ liệu triển khai nhanh nhưng một số cơ sở dữ liệu chưa có bước tiến rõ rệt trong việc triển khai.

- Các cơ sở dữ liệu có những định hướng triển khai khác nhau:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư triển khai theo mô hình dữ liệu chủ làm trung tâm kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như hộ tịch, căn cước, cư trú...; việc triển khai khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp tục đẩy mạnh qua các Đề án 896 và sau đó là Đề án 06.

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp triển khai nằm trong một hệ thống đăng ký doanh nghiệp.

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đang triển khai theo hướng tích hợp đồng bộ từ cơ sở dữ liệu của các địa phương về một phân hệ trung tâm.



+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm: triển khai theo hướng cung cấp dữ liệu theo chuẩn được ban hành từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo hiểm trước, việc xây dựng cơ sở dữ liệu vật lý sẽ tiếp tục được triển khai trong giai đoạn tới.

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính triển khai theo hướng tích hợp dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Chính vì các mô hình triển khai khác nhau này mà các quan điểm, chính sách về cơ sở dữ liệu quốc gia có chưa được thống nhất.

- Việc chia sẻ dữ liệu quốc gia nói riêng và các cơ sở dữ liệu từ Trung ương tới địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu. Điều này dẫn đến các địa phương chờ đợi hay tự xây dựng các cơ sở dữ liệu của riêng mình.

- Việc hoạch định các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương rất chậm. Tới thời điểm hiện tại mới chỉ có 38 cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh ban hành danh mục trong đó có 7 cơ quan cấp bộ. Trong khi đó để tối ưu thì cấp bộ phải ban hành trước và địa phương căn cứ vào đó để triển khai, hoạch định dữ liệu của mình sẽ tăng tính đồng bộ cho các địa phương và hạn chế chồng lấn Trung ương – địa phương.

- Nhiều danh mục cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương chưa phân rõ các cơ sở dữ liệu đã hoàn thành xây dựng và cơ sở dữ liệu sẽ xây dựng theo lộ trình trong thời gian tới³.

- Các bộ, ngành, địa phương có sự khác biệt và chưa đồng bộ về việc hoạch định các cơ sở dữ liệu. Điều này thể hiện bởi sự chênh lệch số lượng các cơ sở dữ liệu dùng chung (tính cao nhất là 169 so với thấp nhất là 16).

- Văn bản, công thông tin là những cơ sở dữ liệu được đưa vào danh mục. Tuy nhiên những cơ sở dữ liệu này thường không có cấu trúc trong khi những dữ liệu quan trọng để dùng chung, tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử, để phát triển các ứng dụng, nền tảng khác thường là dữ liệu có cấu trúc, dữ liệu chủ có giá trị thay thế văn bản cao.

- Việc xây dựng các quy định/tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật chậm, mới chỉ có một số loại dữ liệu được ban hành. Phần lớn việc chia sẻ dữ liệu còn chưa có chuẩn về dữ liệu.

- Tiến độ cung cấp dữ liệu mở chưa đáp ứng được yêu cầu. Chỉ 20 cơ quan đã xúc tiến cung cấp trên cổng dữ liệu của mình và Cổng dữ liệu quốc gia (một số cổng đang ở trạng thái thử nghiệm).

³ Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cập nhật, làm rõ thêm nội dung này.



- Các Hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật chưa được quan tâm triển khai. Tuy nhiên, một số tỉnh đã tiên phong trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch quản trị dữ liệu, phát triển dữ liệu. Các kế hoạch, chiến lược này sẽ làm cơ sở để các tỉnh khác nghiên cứu, tham khảo.

b) Đề xuất, kiến nghị

- Các bộ, ngành, địa phương cần nhanh chóng ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung của mình để có định hướng và kế hoạch rõ ràng về việc xây dựng tài nguyên dữ liệu số thuộc phạm vi mình. Nội dung ban hành cần bám sát hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để đảm bảo sự đồng bộ, thuận lợi cho việc tham chiếu, tham khảo điều chỉnh khi triển khai, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu.

- Các cơ quan cấp bộ cần rà soát phạm vi lĩnh vực quản lý, lập danh sách các loại đối tượng, hoạt động cần số hóa theo ngành, lĩnh vực quản lý; phân định trách nhiệm xây dựng dữ liệu giữa bộ và địa phương, bảo đảm nguyên tắc một loại dữ liệu chỉ một cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật; hướng dẫn các địa phương thực hiện thu thập và kết nối, tích hợp đồng bộ dữ liệu về Trung ương.

- Cần tăng cường quản trị dữ liệu: thiết lập hệ thống đầu mối phụ trách dữ liệu để quản lý thống nhất; định kỳ kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu bảo đảm chất lượng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Tích cực triển khai thiết lập cơ sở dữ liệu tích hợp dùng chung và nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung cấp bộ, cấp tỉnh để cung cấp thông tin tổng hợp, thống kê, dự đoán, dự báo phục vụ chỉ đạo, điều hành. Đây là bước đầu để tạo ra các giá trị gia tăng từ dữ liệu./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG